|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH** **Năm học 2018 - 2019** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I****MÔN : ĐỊA LÍ 9***Thời gian làm bài : 45 phút**Ngày …..tháng 12 năm 2018* |

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức**: Kiểm tra việc lĩnh hội và vận dụng các kiến thức trong chủ đề vùng kinh tế

- Về vị trí, giới hạn, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên để phát triển kinh tế , đặc điểm dân cư xã hội của vùng Trung du miền núi Bắc Bộ, Đồng bằng Sông Hồng , Bắc Trung Bộ , Duyên Hải Nam Trung Bộ

- Tình hình phát triển kinh tế và các trung tâm kinh tế của mỗi vùng .

- Chứng minh và giải thích một số đặc điểm về vị trí, điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên ảnh hưởng đến sự phát triển của vùng.

**2. Kĩ năng**

- Rèn kĩ năng làm việc với bảng số liệu

- Kĩ năng tư duy tổng hợp, giải quyết vấn đề, tính toán.

**3. Thái độ:**

- Nghiêm túc, cẩn thận, chính xác

- Yêu thích môn học địa lí

**4. Năng lực**

-Tự học, tự giải quyết văn đề.

- Tính toán.

I**I*.* MA TRẬN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  **Cấp độ****Chủ đề**  | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | **Cộng** |
| TN | TL | TN | TL | TN | TL | TN | TL |
| **Vùng Trung du- miền núi Bắc Bộ** | Biết được vị trí  |  | Hiểu được vị trí , vai trò của vùng KT trọng điểm |  |  |  |  |  |  |
| ***Số câu******Số điểm******Tỉ lệ*** | **2****0,5** ***5%*** |  | **2****0,5 *5%*** |  |  |  |  |  | **4** **1** ***10%*** |
| **Vùng Đồng bằng sông Hồng** | Biết được vị trí  | Trình bày những thuận lợi , khó khăn để sản xuất lúa và phát triển KT | Hiểu được những thuận lơi và khó khăn để thâm canh lúa nước, nét văn hóa độc đáo |  | Vận dụng để lựa chọn biểu đồ |  |  |  |  |
| ***Số câu******Số điểm******Tỉ lệ*** | **2****0,5*****5%*** | **1****3*****30%*** | **2****0,5*****5%*** |  |  |  |  |  | **5****4*****40%*** |
| **Vùng Bắc Trung Bộ**  | Biết được vị trí |  | Hiểu dược sự phân bố cây CN, di sản văn hóa nổi tiếng |  | Vận dụng để nhận xét, giải thích |  |  Nhận xét, giải thích đặc điểm nghề cá  |  |  |
| ***Số câu******Số điểm******Tỉ lệ*** | **2****0,5** ***5%*** |  | **2****0,5 *5%*** |  | **1****0,25** ***2,5%*** |  | **1****0,25** ***2,5%*** |  | **6****1,5** ***15%*** |
| **Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ**  | Kể tên nơi phân bố một số ngành KT |  |  | Chứng minh vùng có ĐKTN, TN để phát triển kinh tế |  |  | Liên hệ thực tế ngành năng lượng |  |  |
| ***Số câu******Số điểm******Tỉ lệ*** | **2****0,5*****5%*** |  | **3****0,75*****7,5%*** | **1****2*****20%*** |  |  | **1****0,25** ***2,5%*** |  | **7**  **3,5*****35%*** |
| **Tổng** | **9** ***5*** ***50%*** | **9** ***4***  ***40%*** |  **4** ***1*** ***10%*** | **22** ***10******100%*** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ban Gíám hiệu** ***Đỗ Thị Thu Hoài*** | **Tổ chuyên môn*****Nguyễn Thị Nguyệt*** | **Nhóm chuyên môn** ***Nguyễn Thị Tố Loan*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH****Năm học 2018 – 2019** **Mã đề: ĐL 901** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I****MÔN : ĐỊA LÍ 9***Thời gian làm bài : 45 phút**Ngày …..tháng 12 năm 2018* |

**I. Trắc nghiệm ( 5 điểm)**

***Tô vào phiếu trả lời chữ cái đúng nhất***

**Câu 1:** Đồng bằng sông Hồng không tiếp giáp với vùng nào trong số các vùng sau đây?

A. TD và MN Bắc Bộ B. Vịnh Bắc Bộ

C. Duyên hải Nam Trung Bộ D. Bắc Trung Bộ

**Câu 2**: Đảo Cát Bà thuộc tỉnh nào sau đây:

A. Nam Định. B. Thái Bình. C. Hải Phòng. D. Quảng Ninh

**Câu 3**: Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ với vùng đồng bằng sông Hồng và duyên Hải Nam Trung Bộ .

A. dãy núi Tam Điệp và dãy núi Bạch Mã

B. dãy Tam Điệp và đèo Ngang

C. sông Cả và dãy Bạch Mã

D. sông Mã và sông Bến Hải.

**Câu 4**: Tỉnh nào sau đây không thuộc tiểu vùng Tây Bắc nước ta

A. Lai Châu B. Hòa Bình C. Yên Bái D. Điện Biên

**Câu 5:**Ranh giới tự nhiên giữa vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. dãy núi Hoành Sơn.  B**.**dãy núi Bạch Mã.

C. sông Bến Hải. D. sông Gianh

**Câu 6**: Di sản văn hóa ở Bắc Trung Bộ đã được UNESCO công nhận là :

A. Phong Nha – Kẻ Bàng B. Cố đô Huế

C. Phố cổ Hội An D. Di tích Mĩ Sơn

**Câu 7**: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

A. Hải Dương. B. Hưng Yên. C. Vĩnh Phúc. D. Nam Định

**Câu 8**: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cây cà phê được trồng ở những tỉnh nào sau đây của Bắc Trung Bộ?

A. Thanh Hóa, Nghệ An B. Nghệ An, Quảng Trị

C. Quảng Bình , Quảng Trị. D. Nghệ An, Hà Tĩnh

**Câu 9**: Dựa vào Át lát địa lí tự nhiên Việt Nam trang 26 xác định điểm Cực Bắc của nước ta nằm ở tỉnh nào của Trung Du và Miền núi Bắc Bộ?

|  |
| --- |
| A. Lang Sơn B. Quảng Ninh C. Cao Bằng D. Hà Giang |

**Câu 10**: Hai quần đảo xa bờ của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

A. Trường Sa và Côn Sơn B. Côn Sơn và Thổ Chu

C. Hoàng Sa và Trường Sa D. Bạch Long Vĩ và Trường Sa

**Câu 11**: Vùng sản xuất muối nào sau đây thuộc Duyên Hải Nam Trung Bộ?

A. Sa Huỳnh B. Phú Quốc

C. Hà Nam D. Thanh Hóa

**Câu 12**: Khả năng thâm canh tăng vụ của Đồng bằng sông Hồng thuận lợi nhờ những điều kiện chủ yếu nào sau đây?

A. đất phù sa màu mỡ B. khoáng sản

C. nguồn lợi sinh vật biển. D. hang động đá vôi

**Câu 13**: Nền văn mimh độc đáo của đồng bằng sông Hồng thể hiện ở những đặc điểm nào trong kết cấu hạ tầng sau đây?

A. Mạng lưới giao thông dày đặc

B. Đường giao thông nông thôn phát triển

C. Hệ thống đê điều được xây dựng và bảo vệ từ lâu đời.

D. Cơ sở điện nước được bảo đảm rất đầy đủ.

**Câu 14**: Nghề khai thác tổ chim yến tập trung trên một số đảo ven bờ từ tỉnh

A. Quảng Ngãi đến tỉnh Khánh Hòa

B. Khánh Hòa đến tỉnh Bình Thuận

C. Quảng Nam đến tỉnh Khánh Hòa

D. Khánh Hòa đến tỉnh Phú Yên

**Câu 15:**  Khó khăn lớn nhất về mặt tự nhiên của các tỉnh cực Nam Trung Bộ là:

A. nguy cơ hoang mạc hóa B. mưa bão

C. hiện tượng cháy rừng D. lũ lụt

**Câu 16**: Ý nào sau đây **không đúng** về nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ

A. Mực, tôm, cá đông lạnh là các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu.

B. Chiếm hơn ¼ giá trị thủy sản khai thác của cả nước.

C. Có nhiều bãi tôm cá lớn tập trung ở các ngư trường.

D. Cá biển chiếm sản lượng nhỏ trong tổng sản lượng thủy sản.

**Câu 17**: Để phát triển ngành công nghiệp điện ở nước ta cần thực hiện biện pháp nào sau đây?

|  |
| --- |
| A. Tăng cường tiết kiệm điệnB. Tăng cường xây thêm nhà máy thủy điệnC. Phát triển, mở rộng quy mô nhà máy nhiệt điện |

D. Khai thác các loại hình năng lượng bền vững: Gió, Mặt trời.

**Câu 18**: Nhà máy điện chạy bằng sức gió có quy mô lớn nhất Đông Nam Á của nước ta nằm ở tỉnh nào của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
| A . Bạc Liêu B. Bình Thuận |  C. Đồng Nai D. Hòa Bình |

**19**: Cho bảng số liệu : Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ năm 2014 *( Đơn vị: nghìn tấn )*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  VùngHoạt động | Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam trung Bộ |
| Nuôi trồng | 137,9 | 86,4 |
| Khai thác | 328,0 | 845,8 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

A. Bắc Trung Bộ có sản lượng nuôi trồng ít hơn khai thác

B. Duyên Hải Nam Trung Bộ có sản lượng khai thác lớn hơn nuôi trồng

C. Sản lượng khai thác của Duyên Hải Nam Trung Bộ lớn hơn Bắc Trung Bộ

D. Bắc Trung Bộ có sản lượng khai thác và nuôi trồng lớn hơn Duyên Hải Nam Trung Bộ.

**Câu 20**: Cho bảng số liệu : Sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2010 và 2014

|  |  |
| --- | --- |
| Vùng | Sản lượng lương thực *( nghìn tấn)* |
|  | Năm 2010 | Năm 2014 |
| Đồng bằng sông Hồng | 7013,8 | 6941,2 |
| Đồng bằng sông Cửu Long |  21796,,0 |  25475,,0 |
| Cả nước |  44632,2 |  50178,5 |

Để thể hiện sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng , đồng bằng sông Cửu Long và cả nước giai đoạn 2010 và 2014, biểu đồ nào thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền B. Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ tròn D. Biểu đồ đường

**II. Tự luận ( 5 điểm )**

**Câu 1 (3 điểm) :** Dựa vào At lat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy cho biết những điều kiện thuận lợi và khó khăn để sản xuất lúa của Đông bàng sông Hồng ?

**Câu 2 (2 điểm):** Hãy chứng minh vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện để phát triển tổng hợp kinh tế biển?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH** **Năm học 2018 – 2019** **Mã đề: ĐL 902** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I****MÔN : ĐỊA LÍ 9***Thời gian làm bài : 45 phút**Ngày …..tháng 12 năm 2018* |

**I. Trắc nghiệm ( 5 điểm)**

***Tô vào phiếu trả lời chữ cái đúng nhất***

**Câu 1**: Hai quần đảo xa bờ của vùng Duyên hải Nam Trung bộ là

A. Trường Sa và Côn Sơn B. Côn Sơn và Thổ Chu

C. Hoàng Sa và Trường Sa D. Bạch Long Vĩ và Trường Sa

**Câu 2**: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

A. Hải Dương. B. Hưng Yên. C. Vĩnh Phúc. D. Nam Định

**Câu 3**: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cây cà phê được trồng ở những tỉnh nào sau đây của Bắc Trung Bộ?

A. Thanh Hóa, Nghệ An B. Nghệ An, Quảng Trị

C. Quảng Bình , Quảng Trị. D. Nghệ An, Hà Tĩnh

**Câu 4**: Dựa vào Át lát địa lí tự nhiên Việt Nam trang 26 xác định điểm Cực Bắc của nước ta nằm ở tỉnh nào của Trung Du và Miền núi Bắc Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Lang Sơn B. Quảng Ninh |  C. Cao Bằng D. Hà Giang |

**Câu 5:** Đồng bằng sông Hồng không tiếp giáp với vùng nào trong số các vùng sau đây?

A. TD và MN Bắc Bộ B. Vịnh Bắc Bộ

C. Duyên hải Nam Trung Bộ D. Bắc Trung Bộ

**Câu 6**: Đảo Cát Bà thuộc tỉnh nào sau đây:

A. Nam Định. B. Thái Bình. C. Hải Phòng. D. Quảng Ninh

**Câu 7**: Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ với vùng đồng bằng sông Hồng và Duyên Hải Nam Trung Bộ .

A. dãy núi Tam Điệp và dãy núi Bạch Mã

B. dãy Tam Điệp và đèo Ngang

C. sông Cả và dãy Bạch Mã

D. sông Mã và sông Bến Hải.

**Câu 8**: Tỉnh nào sau đây không thuộc tiểu vùng Tây Bắc nước ta

A. Lai Châu B. Hòa Bình C. Yên Bái D. Điện Biên

**Câu 9:**Ranh giới tự nhiên giữa vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. dãy núi Hoành Sơn.  B**.**dãy núi Bạch Mã.

C. sông Bến Hải. D. sông Gianh

**Câu 10**: Di sản văn hóa ở Bắc Trung Bộ đã được UNESCO công nhận là :

A. Phong Nha – Kẻ Bàng B. Cố đô Huế

C. Phố cổ Hội An D. Di tích Mĩ Sơn

**Câu 11**: Vùng sản xuất muối nào sau đây thuộc Duyên Hải Nam Trung Bộ?

A. Sa Huỳnh B. Phú Quốc

C. Hà Nam D. Thanh Hóa

**Câu 12**: Nghề khai thác tổ chim yến tập trung trên một số đảo ven bờ từ tỉnh

A. Quảng Ngãi đến tỉnh Khánh Hòa

B. Khánh Hòa đến tỉnh Bình Thuận

C. Quảng Nam đến tỉnh Khánh Hòa

D. Khánh Hòa đến tỉnh Phú Yên

**Câu 13:**  Khó khăn lớn nhất về mặt tự nhiên của các tỉnh cực Nam Trung Bộ là:

A. nguy cơ hoang mạc hóa B. mưa bão

C. hiện tượng cháy rừng D. lũ lụt

**Câu 14**: Khả năng thâm canh tăng vụ của Đồng bằng sông Hồng thuận lợi nhờ những điều kiện chủ yếu nào sau đây?

A. đất phù sa màu mỡ B. khoáng sản

C. nguồn lợi sinh vật biển. D. hang động đá vôi

**Câu 15**: Nền văn mimh độc đáo của đồng bằng sông Hồng thể hiện ở những đặc điểm nào trong kết cấu hạ tầng sau đây?

A. Mạng lưới giao thông dày đặc

B. Đường giao thông nông thôn phát triển

C. Hệ thống đê điều được xây dựng và bảo vệ từ lâu đời.

D. Cơ sở điện nước được bảo đảm rất đầy đủ.

**Câu 16**: Ý nào sau đây **không đúng** về nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ

A. Mực, tôm, cá đông lạnh là các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu.

B. Chiếm hơn ¼ giá trị thủy sản khai thác của cả nước.

C. Có nhiều bãi tôm cá lớn tập trung ở các ngư trường.

D. Cá biển chiếm sản lượng nhỏ trong tổng sản lượng thủy sản.

**Câu 17**: Nhà máy điện chạy bằng sức gió có quy mô lớn nhất Đông Nam Á của nước ta nằm ở tỉnh nào của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
| A . Bạc Liêu B. Bình Thuận |  C. Đồng Nai D. Hòa Bình |

**Câu 18**: Để phát triển ngành công nghiệp điện ở nước ta cần thực hiện biện pháp nào sau đây?

|  |
| --- |
| A. Tăng cường tiết kiệm điệnB. Tăng cường xây thêm nhà máy thủy điệnC. Phát triển, mở rộng quy mô nhà máy nhiệt điện |

D. Khai thác các loại hình năng lượng bền vững: Gió, Mặt trời.

**Câu 19**: Cho bảng số liệu : Sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2010 và 2014

|  |  |
| --- | --- |
| Vùng | Sản lượng lương thực *( nghìn tấn)* |
|  | Năm 2010 | Năm 2014 |
| Đồng bằng sông Hồng | 7013,8 | 6941,2 |
| Đồng bằng sông Cửu Long |  21796,,0 |  25475,,0 |
| Cả nước |  44632,2 |  50178,5 |

Để thể hiện sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng , đồng bằng sông Cửu Long và cả nước giai đoạn 2010 và 2014, biểu đồ nào thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền B. Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ tròn D. Biểu đồ đường

**Câu 20**: Cho bảng số liệu : Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ năm 2014  *( Đơn vị: nghìn tấn )*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  VùngHoạt động | Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam trung Bộ |
| Nuôi trồng | 137,9 | 86,4 |
| Khai thác | 328,0 | 845,8 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

A. Bắc Trung Bộ có sản lượng nuôi trồng ít hơn khai thác

B. Duyên Hải Nam Trung Bộ có sản lượng khai thác lớn hơn nuôi trồng

C. Sản lượng khai thác của Duyên Hải Nam Trung Bộ lớn hơn Bắc Trung Bộ

D. Bắc Trung Bộ có sản lượng khai thác và nuôi trồng lớn hơn Duyên Hải Nam Trung Bộ.

**II. Tự luận ( 5 điểm )**

**Câu 1 (3 điểm) :** Dựa vào At lat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy cho biết những điều kiện thuận lợi và khó khăn để sản xuất lúa của Đông bàng sông Hồng ?

**Câu 2 (2 điểm):** Dựa vào At lat Địa lí Việt Nam , phân tich những ảnh hưởng của vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế xã hội của Duyên hải Nam Trung Bộ .

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH** **Năm học 2018 – 2019** **Mã đề: ĐL 903** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I****MÔN : ĐỊA LÍ 9***Thời gian làm bài : 45 phút**Ngày …..tháng 12 năm 2018* |

**I. Trắc nghiệm ( 5 điểm)**

***Tô vào phiếu trả lời chữ cái đúng nhất***

**Câu 1**: Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ với vùng đồng bằng sông Hồng và duyên Hải Nam Trung Bộ .

A. dãy núi Tam Điệp và dãy núi Bạch Mã

B. dãy Tam Điệp và đèo Ngang

C. sông Cả và dãy Bạch Mã

D. sông Mã và sông Bến Hải.

**Câu 2:** Đồng bằng sông Hồng không tiếp giáp với vùng nào trong số các vùng sau đây?

A. TD và MN Bắc Bộ B. Vịnh Bắc Bộ

C. Duyên hải Nam Trung Bộ D. Bắc Trung Bộ

**Câu 3**: Đảo Cát Bà thuộc tỉnh nào sau đây:

A. Nam Định. B. Thái Bình. C. Hải Phòng. D. Quảng Ninh

**Câu 4**: Tỉnh nào sau đây không thuộc tiểu vùng Tây Bắc nước ta

A. Lai Châu B. Hòa Bình C. Yên Bái D. Điện Biên

**Câu 5:**Ranh giới tự nhiên giữa vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. dãy núi Hoành Sơn.  B**.**dãy núi Bạch Mã.

C. sông Bến Hải. D. sông Gianh

**Câu 6**: Di sản văn hóa ở Bắc Trung Bộ đã được UNESCO công nhận là :

A. Phong Nha – Kẻ Bàng B. Cố đô Huế

C. Phố cổ Hội An D. Di tích Mĩ Sơn

**Câu 7**: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

A. Hải Dương. B. Hưng Yên. C. Vĩnh Phúc. D. Nam Định

**Câu 8**: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cây cà phê được trồng ở những tỉnh nào sau đây của Bắc Trung Bộ?

A. Thanh Hóa, Nghệ An B. Nghệ An, Quảng Trị

C. Quảng Bình , Quảng Trị. D. Nghệ An, Hà Tĩnh

**Câu 9**: Hai quần đảo xa bờ của vùng Duyên hải Nam Trung bộ là

A. Trường Sa và Côn Sơn B. Côn Sơn và thổ Chu

C. Hoàng Sa và Trường Sa D. Bạch Long Vĩ và Trường Sa

**Câu 10**: Vùng sản xuất muối nào sau đây thuộc Duyên Hải Nam Trung Bộ?

A. Sa Huỳnh B. Phú Quốc

C. Hà Nam D. Thanh Hóa

**Câu 11**: Dựa vào Át lát địa lí tự nhiên Việt Nam trang 26 xác định điểm Cực Bắc của nước ta nằm ở tỉnh nào của Trung Du và Miền núi Bắc Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Lang Sơn B. Quảng Ninh |  C. Cao Bằng D. Hà Giang |

**Câu 12**: Nghề khai thác tổ chim yến tập trung trên một số đảo ven bờ từ tỉnh

A. Quảng Ngãi đến tỉnh Khánh Hòa

B. Khánh Hòa đến tỉnh Bình Thuận

C. Quảng Nam đến tỉnh Khánh Hòa

D. Khánh Hòa đến tỉnh Phú Yên

**Câu 13:**  Khó khăn lớn nhất về mặt tự nhiên của các tỉnh cực Nam Trung Bộ là:

A. nguy cơ hoang mạc hóa B. mưa bão

C. hiện tượng cháy rừng D. lũ lụt

**Câu 14**: Ý nào sau đây **không đúng** về nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ

A. Mực, tôm, cá đông lạnh là các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu.

B. Chiếm hơn ¼ giá trị thủy sản khai thác của cả nước.

C. Có nhiều bãi tôm cá lớn tập trung ở các ngư trường.

D. Cá biển chiếm sản lượng nhỏ trong tổng sản lượng thủy sản.

**Câu 15**: Khả năng thâm canh tăng vụ của Đồng bằng sông Hồng thuận lợi nhờ những điều kiện chủ yếu nào sau đây?

A. đất phù sa màu mỡ B. khoáng sản

C. nguồn lợi sinh vật biển. D. hang động đá vôi

**Câu 16**: Nền văn mimh độc đáo của đồng bằng sông Hồng thể hiện ở những đặc điểm nào trong kết cấu hạ tầng sau đây?

A. Mạng lưới giao thông dày đặc

B. Đường giao thông nông thôn phát triển

C. Hệ thống đê điều được xây dựng và bảo vệ từ lâu đời.

D. Cơ sở điện nước được bảo đảm rất đầy đủ.

**Câu 17**: Nhà máy điện chạy bằng sức gió có quy mô lớn nhất Đông Nam Á của nước ta nằm ở tỉnh nào của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
| A . Bạc Liêu B. Bình Thuận |  C. Đồng Nai D. Hòa Bình |

**Câu 18**: Để phát triển ngành công nghiệp điện ở nước ta cần thực hiện biện pháp nào sau đây?

|  |
| --- |
| A. Tăng cường tiết kiệm điệnB. Tăng cường xây thêm nhà máy thủy điệnC. Phát triển, mở rộng quy mô nhà máy nhiệt điện |

D. Khai thác các loại hình năng lượng bền vững: Gió, Mặt trời.

**Câu 19**: Cho bảng số liệu : Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ

 *( Đơn vị: nghìn tấn )*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  VùngHoạt động | Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam trung Bộ |
| Nuôi trồng | 137,9 | 86,4 |
| Khai thác | 328,0 | 845,8 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

A. Bắc Trung Bộ có sản lượng nuôi trồng ít hơn khai thác

B. Duyên Hải Nam Trung Bộ có sản lượng khai thác lớn hơn nuôi trồng

C. Sản lượng khai thác của Duyên Hải Nam Trung Bộ lớn hơn Bắc Trung Bộ

D. Bắc Trung Bộ có sản lượng khai thác và nuôi trồng lớn hơn Duyên Hải Nam Trung Bộ.

**Câu 20**: Cho bảng số liệu : Sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2010 và 2014

|  |  |
| --- | --- |
| Vùng | Sản lượng lương thực *( nghìn tấn)* |
|  | Năm 2010 | Năm 2014 |
| Đồng bằng sông Hồng | 7013,8 | 6941,2 |
| Đồng bằng sông Cửu Long |  21796,,0 |  25475,,0 |
| Cả nước |  44632,2 |  50178,5 |

Để thể hiện sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng , đồng bằng sông Cửu Long và cả nước giai đoạn 2010 và 2014, biểu đồ nào thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền B. Biểu đồ cột.

C. Biểu đồ tròn D. Biểu đồ đường

**II. Tự luận ( 5 điểm )**

**Câu 1 (3 điểm**): Dựa vào At lat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học. Hãy nêu những điều kiện thuận tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội ở Đồng bàng sông Hồng?

**Câu 2 (2 điểm):** Hãy chứng minh vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ có nhiều điều kiện để phát

triển tổng hợp kinh tế biển?

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH** **Năm học 2018 – 2019** **Mã đề: ĐL 904** | **ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I****MÔN : ĐỊA LÍ 9***Thời gian làm bài : 45 phút**Ngày …..tháng 12 năm 2018* |

**I. Trắc nghiệm ( 5 điểm)**

***Tô vào phiếu trả lời chữ cái đúng nhất***

**Câu 1**: Dựa vào Át lát địa lí tự nhiên Việt Nam trang 26 xác định điểm Cực Bắc của nước ta nằm ở tỉnh nào của Trung Du và Miền núi Bắc Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
| A. Lang Sơn B. Quảng Ninh |  C. Cao Bằng D. Hà Giang  |

**Câu 2**: Tỉnh nào sau đây không thuộc tiểu vùng Tây Bắc nước ta

A. Lai Châu B. Hòa Bình C. Yên Bái D. Điện Biên

**Câu 3:** Đồng bằng sông Hồng không tiếp giáp với vùng nào trong số các vùng sau đây?

A. TD và MN Bắc Bộ B. Vịnh Bắc Bộ

C. Duyên hải Nam Trung Bộ D. Bắc Trung Bộ

**Câu 4**: Tỉnh nào sau đây không thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

A. Hải Dương. B. Hưng Yên. C. Vĩnh Phúc. D. Nam Định

**Câu 5**: Đảo Cát Bà thuộc tỉnh nào sau đây:

A. Nam Định. B. Thái Bình. C. Hải Phòng. D. Quảng Ninh

**Câu 6**: Dựa vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết cây cà phê được trồng ở những tỉnh nào sau đây của Bắc Trung Bộ?

A. Thanh Hóa, Nghệ An B. Nghệ An, Quảng Trị

C. Quảng Bình , Quảng Trị. D. Nghệ An, Hà Tĩnh

**Câu 7**: Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ với vùng đồng bằng sông Hồng và duyên Hải Nam Trung Bộ .

A. dãy núi Tam Điệp và dãy núi Bạch Mã

B. dãy Tam Điệp và đèo Ngang

C. sông Cả và dãy Bạch Mã

D. sông Mã và sông Bến Hải.

**Câu 8:**Ranh giới tự nhiên giữa vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Nam Trung Bộ là
A. dãy núi Hoành Sơn.  B**.**dãy núi Bạch Mã.

C. sông Bến Hải. D. sông Gianh

**Câu 9**: Di sản văn hóa ở Bắc Trung Bộ đã được UNESCO công nhận là :

A. Phong Nha – Kẻ Bàng B. Cố đô Huế

C. Phố cổ Hội An D. Di tích Mĩ Sơn

**Câu 10**: Hai quần đảo xa bờ của vùng Duyên hải Nam Trung bộ là

A. Trường Sa và Côn Sơn B. Côn Sơn vàThổ Chu

C. Hoàng Sa và Trường Sa D. Bạch Long Vĩ và Trường Sa

**Câu 11**: Vùng sản xuất muối nào sau đây thuộc Duyên Hải Nam Trung Bộ?

A. Sa Huỳnh B. Phú Quốc

C. Hà Nam D. Thanh Hóa

**Câu 12:**  Khó khăn lớn nhất về mặt tự nhiên của các tỉnh cực Nam Trung Bộ là:

A. nguy cơ hoang mạc hóa B. mưa bão

C. hiện tượng cháy rừng D. lũ lụt

**Câu 13**: Khả năng thâm canh tăng vụ của Đồng bằng sông Hồng thuận lợi nhờ những điều kiện chủ yếu nào sau đây?

A. đất phù sa màu mỡ B. khoáng sản

C. nguồn lợi sinh vật biển. D. hang động đá vôi

**Câu 14**: Nền văn mimh độc đáo của đồng bằng sông Hồng thể hiện ở những đặc điểm nào trong kết cấu hạ tầng sau đây?

A. Mạng lưới giao thông dày đặc

B. Đường giao thông nông thôn phát triển

C. Hệ thống đê điều được xây dựng và bảo vệ từ lâu đời.

D. Cơ sở điện nước được bảo đảm rất đầy đủ.

**Câu 1**5 Nghề khai thác tổ chim yến tập trung trên một số đảo ven bờ từ tỉnh

A. Quảng Ngãi đến tỉnh Khánh Hòa

B. Khánh Hòa đến tỉnh Bình Thuận

C. Quảng Nam đến tỉnh Khánh Hòa

D. Khánh Hòa đến tỉnh Phú Yên

**Câu 16**: Ý nào sau đây **không đúng** về nghề cá ở Duyên hải Nam Trung Bộ

A. Mực, tôm, cá đông lạnh là các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu.

B. Chiếm hơn ¼ giá trị thủy sản khai thác của cả nước.

C. Có nhiều bãi tôm cá lớn tập trung ở các ngư trường.

D. Cá biển chiếm sản lượng nhỏ trong tổng sản lượng thủy sản.

**Câu 17**: Để phát triển ngành công nghiệp điện ở nước ta cần thực hiện biện pháp nào sau đây?

|  |
| --- |
| A. Tăng cường tiết kiệm điệnB. Tăng cường xây thêm nhà máy thủy điệnC. Phát triển, mở rộng quy mô nhà máy nhiệt điện |

D. Khai thác các loại hình năng lượng bền vững: Gió, Mặt trời.

**Câu 18**: Nhà máy điện chạy bằng sức gió có quy mô lớn nhất Đông Nam Á của nước ta nằm ở tỉnh nào của vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ?

|  |  |
| --- | --- |
| A . Bạc Liêu B. Bình Thuận |  C. Đồng Nai D. Hòa Bình |

**Câu 19**: Cho bảng số liệu : Sản lượng thủy sản ở Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ năm 2014 *( Đơn vị: nghìn tấn )*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  VùngHoạt động | Bắc Trung Bộ | Duyên hải Nam trung Bộ |
| Nuôi trồng | 137,9 | 86,4 |
| Khai thác | 328,0 | 845,8 |

Nhận xét nào sau đây **không đúng** với bảng số liệu trên?

A. Bắc Trung Bộ có sản lượng khai thác và nuôi trồng lớn hơn Duyên Hải Nam Trung Bộ.

B. Bắc Trung Bộ có sản lượng nuôi trồng ít hơn khai thác

C. Duyên Hải Nam Trung Bộ có sản lượng khai thác lớn hơn nuôi trồng

D. Sản lượng khai thác của Duyên Hải Nam Trung Bộ lớn hơn Bắc Trung Bộ

**Câu 20**: Cho bảng số liệu : Sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng, đồng bằng sông Cửu Long và cả nước năm 2010 và 2014

|  |  |
| --- | --- |
| Vùng | Sản lượng lương thực *( nghìn tấn)* |
|  | Năm 2010 | Năm 2014 |
| Đồng bằng sông Hồng | 7013,8 | 6941,2 |
| Đồng bằng sông Cửu Long |  21796,,0 |  25475,,0 |
| Cả nước |  44632,2 |  50178,5 |

Để thể hiện sản lượng lương thực của Đồng bằng sông Hồng , đồng bằng sông Cửu Long và cả nước giai đoạn 2010 và 2014, biểu đồ nào thích hợp nhất?

A. Biểu đồ miền B. Biểu đồ tròn

C. Biểu đồ cột D. Biểu đồ đường

**II. Tự luận ( 5 điểm )**

**Câu 1 (3 điểm**): Dựa vào At lat Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học. Hãy nêu những điều kiện thuận tự nhiên thuận lợi để phát triển kinh tế xã hội ở Đồng bàng sông Hồng?

**Câu 2 (2 điểm):** Dựa vào At lat Địa lí Việt Nam , phân tich những ảnh hưởng của vị trí địa lí đến sự phát triển kinh tế xã hội của Duyên hải Nam Trung Bộ .

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH****Năm học: 2018 – 2019****Mã đề: ĐL 901** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM****ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **I. Trắc nghiệm (5đ)** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2C | 3A | 4C | 5B | 6B | 7D | 8B | 9D | 10C |
| 11A | 12A | 13C | 14C | 15A | 16D | 17D | 18B | 19D | 20C |

 | **Mỗi đáp án đúng: 0,25 đ**  |
| **II. Tự luận****( 5 đ))** | **Câu 1 (3 đ)** | \* Thuận lợi.- Địa hình:bằng phẳng , đất phù sa màu mỡ do hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp- Khí hậu**,** nguồn nước thuận lợi để thâm canh tăng vụ- Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào,trình độ thâm canh cao nhất cả nước- Cơ sở vật chất kỹ thuật hoàn thiện nhất cả nước, thị trường tiêu thụ rộng\* Khó khăn:- Đất bạc màu, thoái hóa, thiên tai: lũ lụt, hạn hán , sâu bệnh....- Dân số đông, bình quân diện tích đất nông nghiệp theo đầu người thấp. | **0,5 đ****0, 5 đ****0,5đ****0,5 đ****0,5 đ****0,5 đ** |
| **Câu 2 (2 đ)** | - Tỉnh nào cũng có bãi tôm , bãi cá, có ngư trường, cực Nam Trung Bộ , Hoàng Sa, Trường Sa thuận lợi đánh bắt hải sản. Dọc bờ biển có nhiều vũng vịnh , đầm phá thuận lợi nuôi trồng thủy sản.- Đường bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng vịnh, kín gió, thích hợp để xây dựng cản nước sâu ( Dung Quất, Vân Phong)- Có nhiều bãi biển đẹp thuận lợi phát triển du lịch : Nha Trang, - Các mỏ sa khoáng như Titan, cát trằng, và cánh đồng muối nổi tiếng: Cà Ná, Sa Huỳnh, Thêm lục địa có dầu khí, hiện đã tiến hành ở phí đông đảo Phú Quý.- Trên một số đảo ven bờ từ Quảng Nam đến Khánh Hòa có nghề khai thác tổ chim yến ( yến sào) đem lại hiệu quả kinh tế cao | **0,5 đ****0, 5 đ****0,25 đ****0,5 đ****0,25 đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt*****Đỗ Thị Thu Hoài***  | **Tổ chuyên môn*****Nguyễn Thị Nguyệt*** | **Nhóm chuyên môn*****Nguyễn Thị Tố Loan*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH****Năm học: 2018 – 2019****Mã đề: ĐL 902** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM****ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **I. Trắc nghiệm (5đ)** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1C | 2D | 3B | 4D | 5C | 6C | 7A | 8C | 9B | 10B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11A | 12C | 13A | 14A | 15C | 16D | 17B | 18D | 19C | 20D |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 | **Mỗi đáp án đúng: 0,25 đ**  |
| **II. Tự luận****( 5 đ))** | **Câu 1 (3 đ)** | \* Thuận lợi.- Địa hình:bằng phẳng , đất phù sa màu mỡ do hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình bồi đắp- Khí hậu**,** nguồn nước thuận lợi để thâm canh tăng vụ- Dân cư đông, nguồn lao động dồi dào,trình độ thâm canh cao nhất cả nước- Cơ sở vật chất kỹ thuật hoàn thiện nhất cả nước, thị trường tiêu thụ rộng\* Khó khăn:- Đất bạc màu, thoái hóa, thiên tai: lũ lụt, hạn hán , sâu bệnh....- Dân số đông, bình quân diện tích đất nông nghiệp theo đầu người thấp. | **0,5 đ****0, 5 đ****0,5đ****0,5 đ****0,5 đ****0,5 đ** |
| **Câu 2 (2 đ)** | - Phía Bắc: giáp với Bắc Trung Bộ, phía Nam giáp với Đông Nam Bộ => là cầu nối giữa miền Bắc và miền Nam.- Vị trí liền kề Đông Nam Bộ làm cho vùng chịu ảnh hưởng mạnh trong quá trình phát triển kinh tế.- Phía Tây giáp với Lào và Tây Nguyên. Các tuyến đường bộ chạy theo hướng Đông –Tây mở mối giao lưu với Tây Nguyên, Cam- pu- chia, Lào- Phía Đông, tất cả các thành phố đều giáp biển nên vùng có điều kiện phát triển kinh tế mở và phát triển tổng hợp kinh tế biển- Trên vùng biển rộng lớn có nhiều đảo , quần đảo, đặc biệt là 2 huyện đảo Trường Sa và Hoàng Sa có vai trò quan trọng về kinh tế và an ninh quốc phòng. | **0,5 đ****0, 5 đ****0,25 đ****0,5 đ****0,25 đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt*****Đỗ Thị Thu Hoài***  | **Tổ chuyên môn*****Nguyễn Thị Nguyệt*** | **Nhóm chuyên môn*****Nguyễn Thị Tố Loan*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH****Năm học: 2018 – 2019****Mã đề: ĐL 903** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM****ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **I. Trắc nghiệm (5đ)** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1A | 2C | 3C | 4C | 5B | 6B | 7D | 8B | 9C | 10A |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11D | 12C | 13A | 14D | 15A | 16C | 17B | 18D | 19D | 20C |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 | **Mỗi đáp án đúng: 0,25 đ**  |
| **II. Tự luận****( 5 đ))** | **Câu 1 (3 đ)** | - Địa hình:bằng phẳng thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng và cư trú của người dân- Đất phù sa màu mỡ, khí hậugió mùa ẩm,nguồn nước dồi dào thuận lợi để thâm canh tăng vụ- Tài nguyên khoáng sản có giá trị đáng kể: núi đá vôi, sét cao lanh... cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp , sản xuất vật liệu xây dựng,- Đường bờ biển dài 400 km , vùng cửa sông cửa biển , ven biển có nhiều bãi cá , bãi tôm có thể đánh bắt nuôi trồng thủy sản .- Một số ngành kinh tế khác có điều kiện phát triển: du lịch biển, giao thông vận tải biển.- Có nhiều cảnh quan thuận lợi cho phát triển du lịch | **0,5 đ****0, 5 đ****0,5đ****0,5 đ****0,5 đ****0,5 đ** |
| **Câu 2 ( 2đ)** | - Tỉnh nào cũng có bãi tôm , bãi cá, có ngư trường, cực Nam Trung Bộ , Hoàng Sa, Trường Sa thuận lợi đánh bắt hải sản. Dọc bờ biển có nhiều vũng vịnh , đầm phá thuận lợi nuôi trồng thủy sản.- Đường bờ biển khúc khuỷu có nhiều vũng vịnh, kín gió, thích hợp để xây dựng cản nước sâu ( Dung Quất, Vân Phong)- Có nhiều bãi biển đẹp thuận lợi phát triển du lịch : Nha Trang, - Các mỏ sa khoáng như Titan, cát trằng, và cánh đồng muối nổi tiếng: Cà Ná, Sa Huỳnh, Thêm lục địa có dầu khí, hiện đã tiến hành ở phí đông đảo Phú Quý.- Trên một số đảo ven bờ từ Quảng Nam đến Khánh Hòa có nghề khai thác tổ chim yến ( yến sào) đem lại hiệu quả kinh tế cao | **0,5 đ****0, 5 đ****0,25 đ****0,5 đ****0,25 đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt*****Đỗ Thị Thu Hoài***  | **Tổ chuyên môn*****Nguyễn Thị Nguyệt*** | **Nhóm chuyên môn*****Nguyễn Thị Tố Loan*** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS THƯỢNG THANH****Năm học: 2018 – 2019****Mã đề: ĐL 904** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM****ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I****MÔN: ĐỊA LÍ 9** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Đáp án** | **Biểu điểm** |
| **I. Trắc nghiệm (5đ)** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1D | 2C | 3C | 4D | 5C | 6B | 7A | 8B | 9B | 10C |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 11A | 12A | 13A | 14C | 15C | 16D | 17D | 18B | 19A | 20B |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

 | **Mỗi đáp án đúng: 0,25 đ**  |
| **II. Tự luận****( 5 đ))** | **Câu 1 (3 đ)** | - Địa hình:bằng phẳng thuận lợi cho việc xây dựng cơ sở hạ tầng và cư trú của người dân- Đất phù sa màu mỡ, khí hậugió mùa ẩm,nguồn nước dồi dào thuận lợi để thâm canh tăng vụ- Tài nguyên khoáng sản có giá trị đáng kể: núi đá vôi, sét cao lanh... cung cấp nguyên liệu cho ngành công nghiệp , sản xuất vật liệu xây dựng,- Đường bờ biển dài 400 km , vùng cửa sông cửa biển , ven biển có nhiều bãi cá , bãi tôm có thể đánh bắt nuôi trồng thủy sản .- Một số ngành kinh tế khác có điều kiện phát triển: du lịch biển, giao thông vận tải biển.- Có nhiều cảnh quan thuận lợi cho phát triển du lịch | **0,5 đ****0, 5 đ****0,5đ****0,5 đ****0,5 đ****0,5 đ** |
| **Câu 2 (2 đ)** | - Phía Bắc: giáp với Bắc Trung Bộ, phía Nam giáp với Đông Nam Bộ => là cầu nối giữa miền Bắc và miền Nam.- Vị trí liền kề Đông Nam Bộ làm cho vùng chịu ảnh hưởng mạnh trong quá trình phát triển kinh tế.- Phía Tây giáp với Lào và Tây Nguyên. Các tuyến đường bộ chạy theo hướng Đông –Tây mở mối giao lưu với Tây Nguyên, Cam- pu- chia, Lào- Phía Đông, tất cả các thành phố đều giáp biển nên vùng có điều kiện phát triển kinh tế mở và phát triển tổng hợp kinh tế biển- Trên vùng biển rộng lớn có nhiều đảo , quần đảo, đặc biệt là 2 huyện đảo Trường Sa và Hoàng Sa có vai trò quan trọng về kinh tế và an ninh quốc phòng. | **0,5 đ****0, 5 đ****0,25 đ****0,5 đ****0,25 đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **BGH duyệt*****Đỗ Thị Thu Hoài***  | **Tổ chuyên môn*****Nguyễn Thị Nguyệt*** | **Nhóm chuyên môn*****Nguyễn Thị Tố Loan*** |